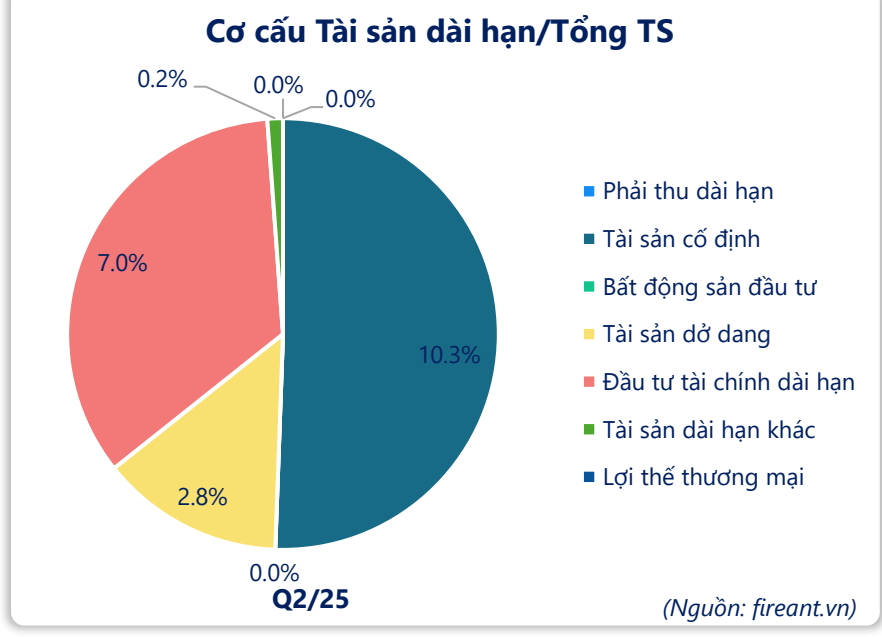
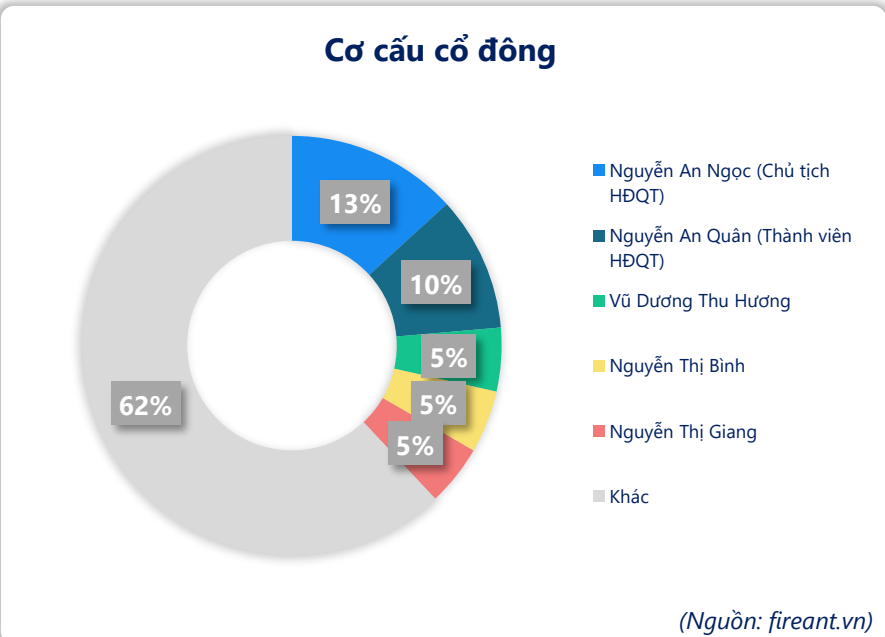
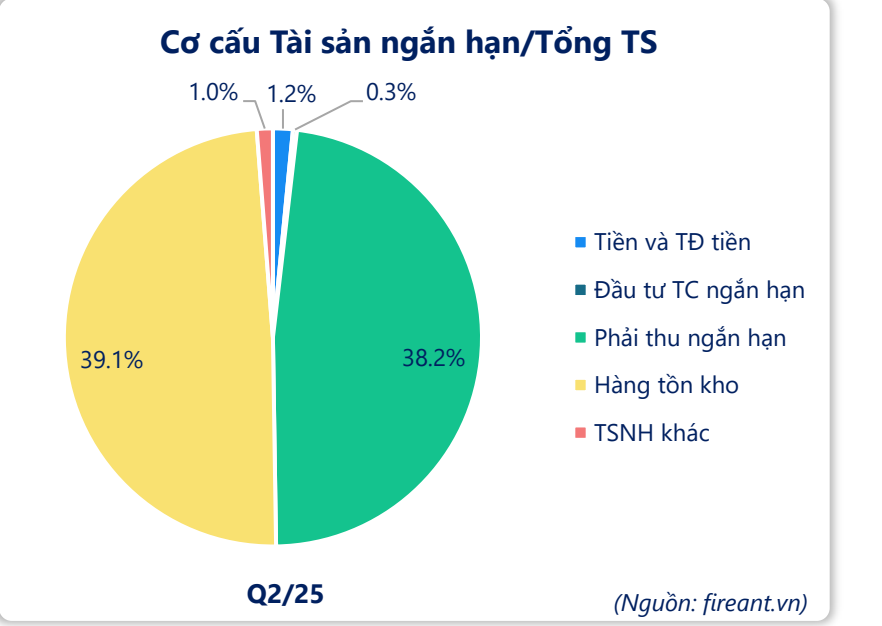
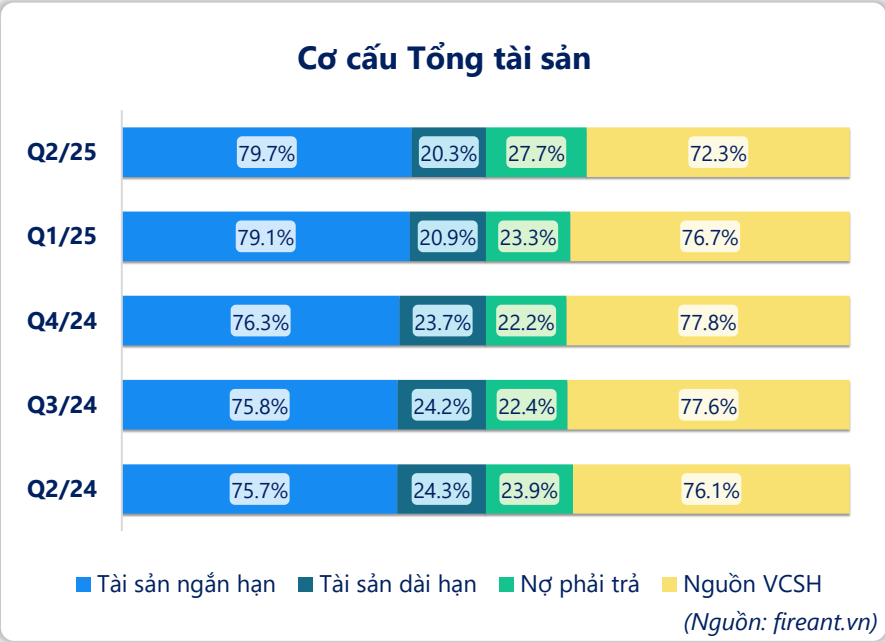
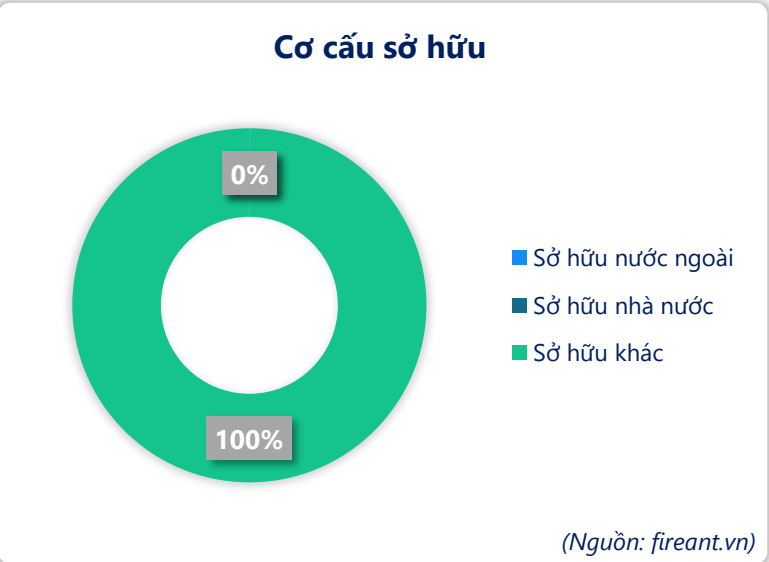
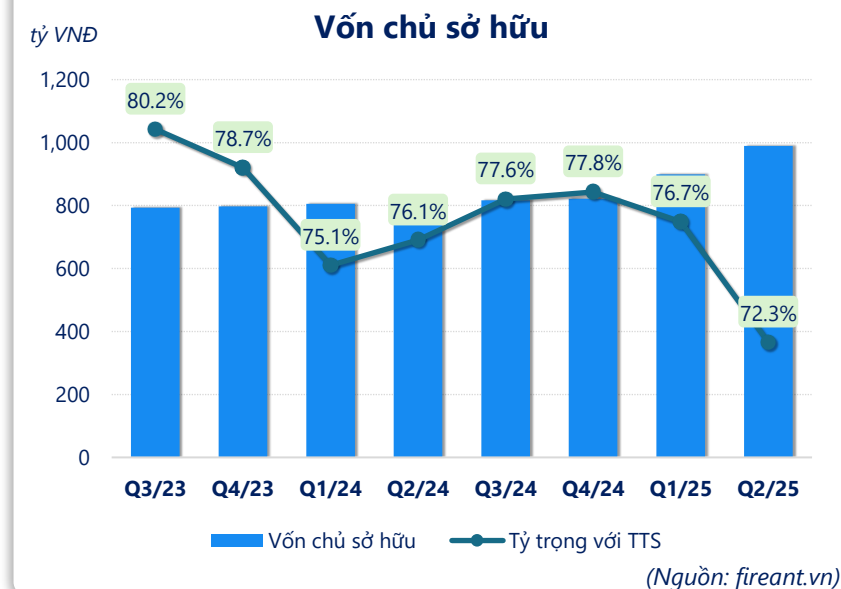
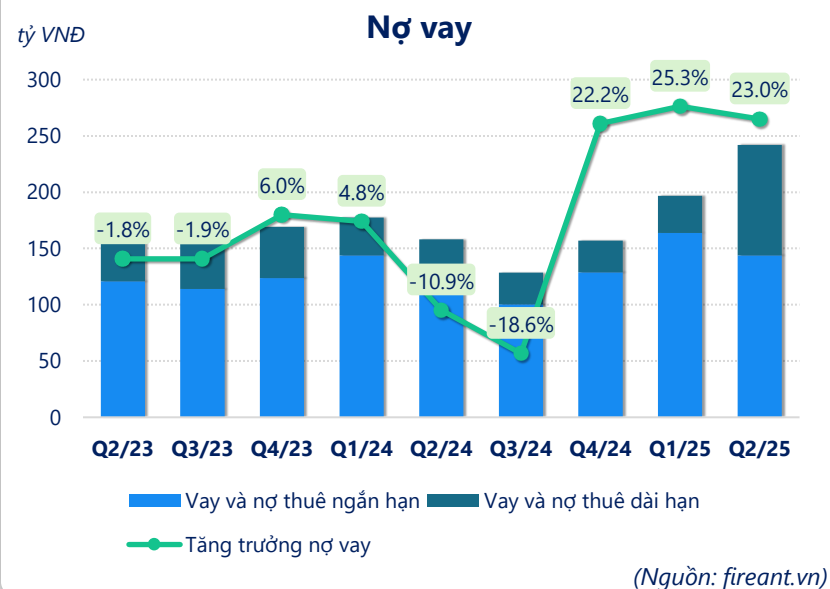
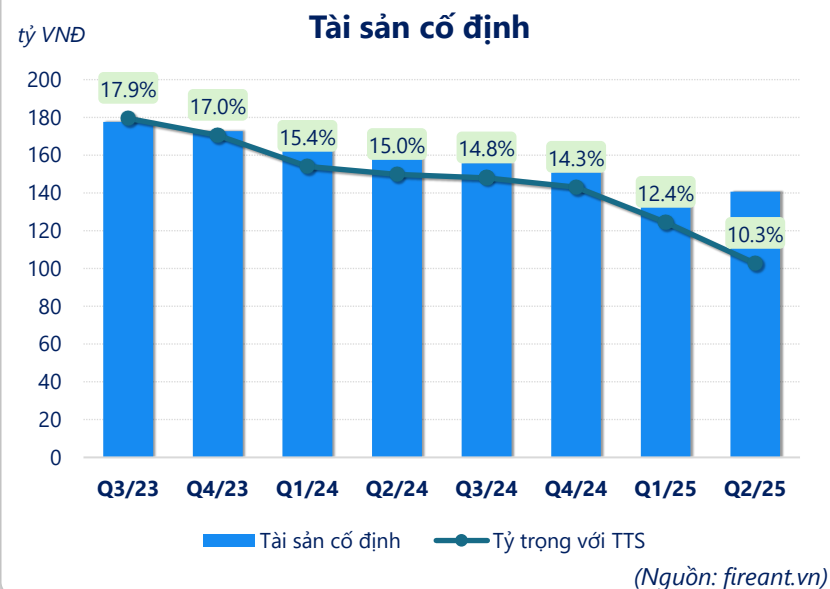
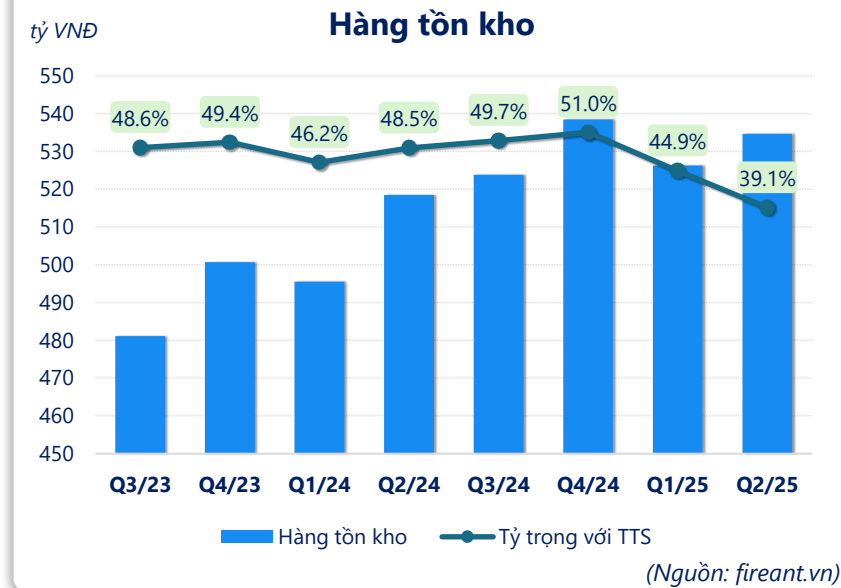
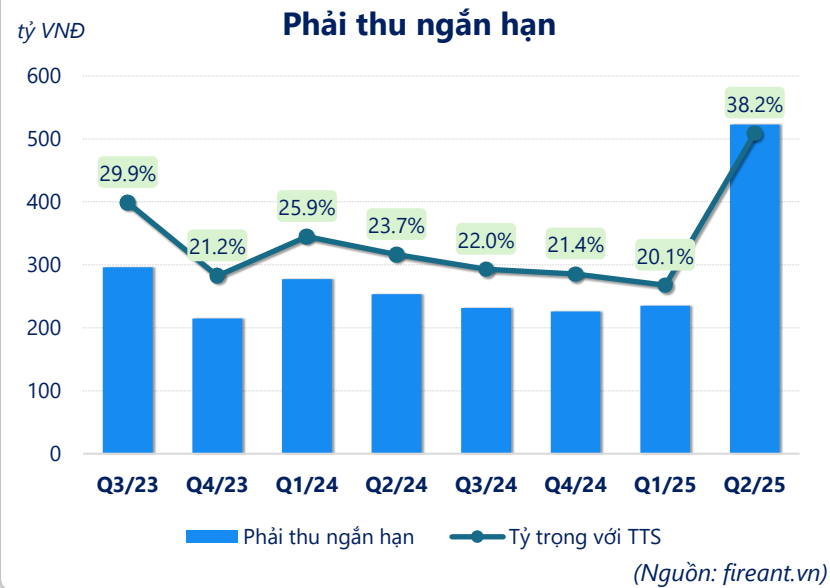
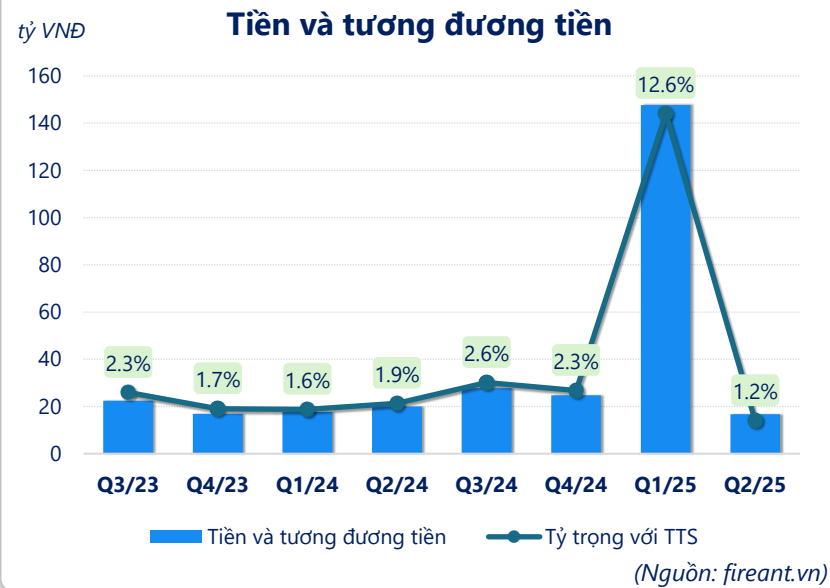
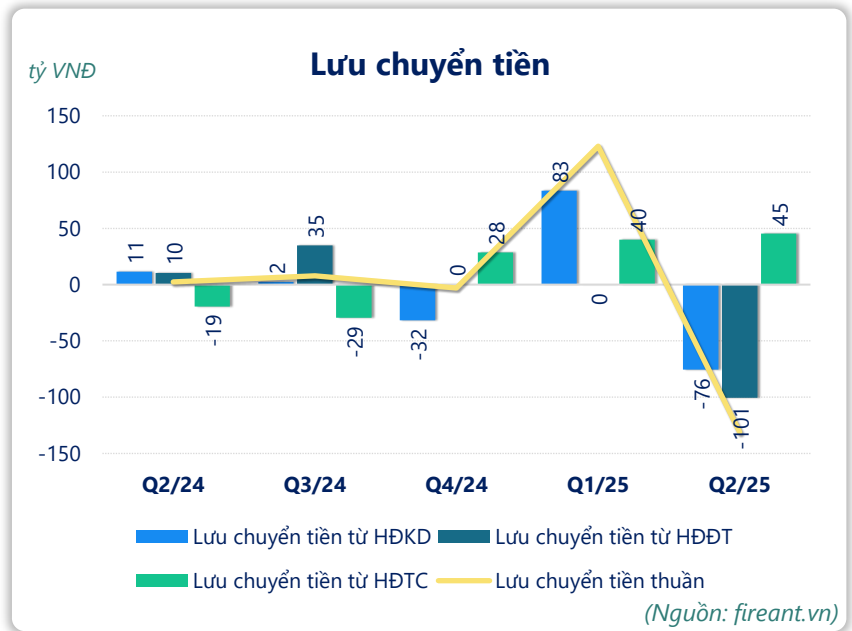
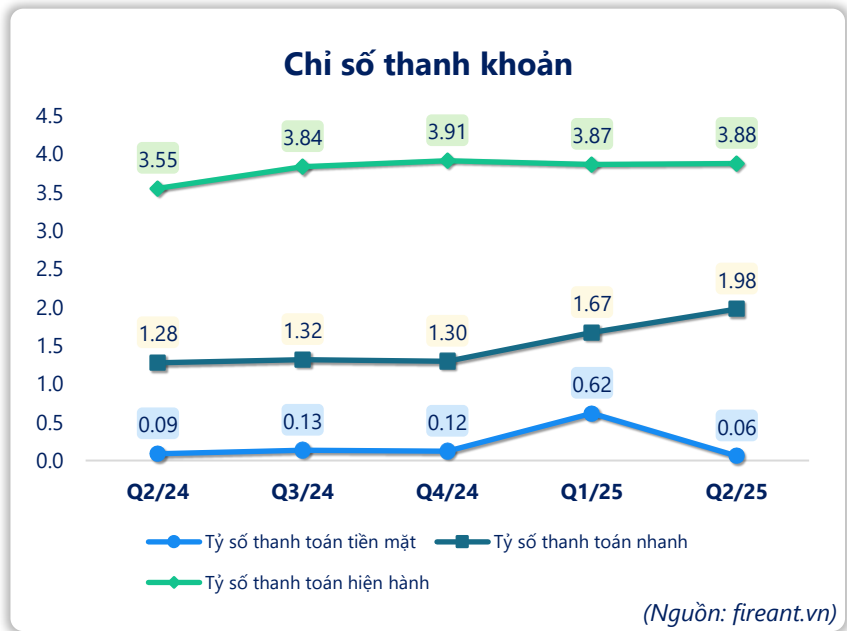
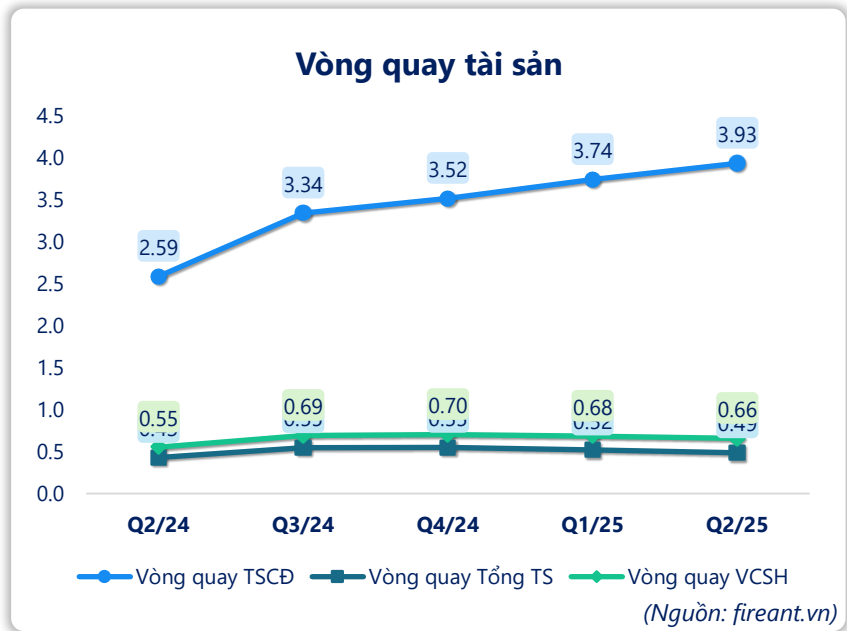
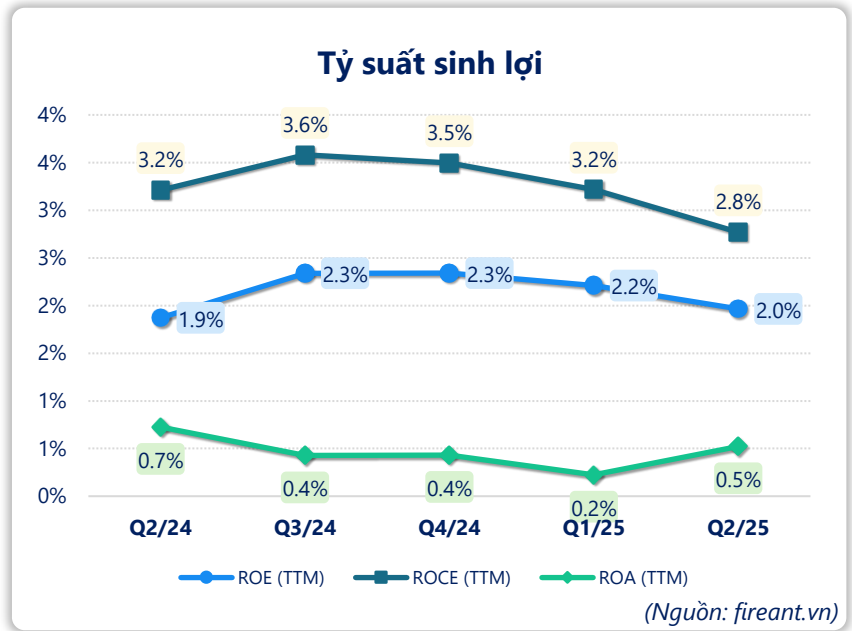
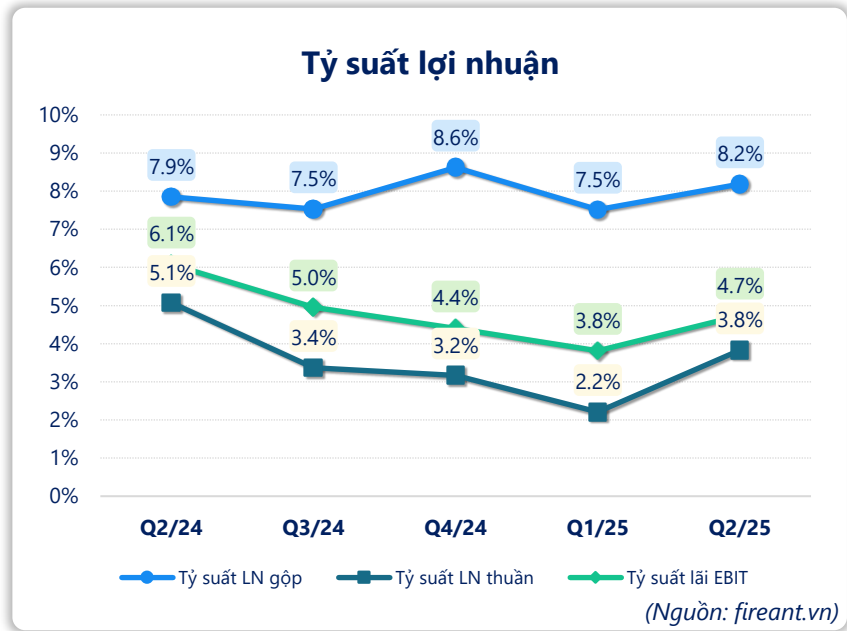
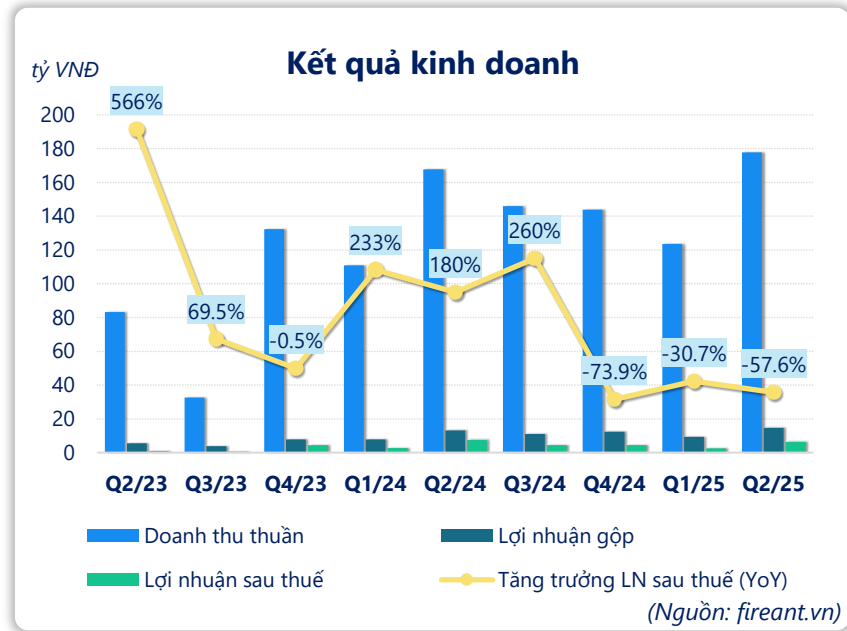


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,590
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,070
SL cổ phiếu LH		77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)		293,570
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		533
P/E		30.1
EPS		228

	YTD	1T	3T	6T
TLD	14.4%	-4.2%	9.1%	11.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,369	1,051	30.3%
Tài sản ngắn hạn	1,091	800	36.3%
Tiền và tương đương tiền	16.7	24.7	-32.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.44	8.79	-60.9%
Phải thu ngắn hạn	523	225	133%
Hàng tồn kho	535	535	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	7.33	84.5%
Tài sản dài hạn	278	250	11.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	141	151	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	38.2	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	96.0	96.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.23	3.34	-3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	380	234	62.1%
Nợ ngắn hạn	281	209	34.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	144	132	8.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.8	67.2	24.7%
Nợ dài hạn	98.2	24.9	294%
Vay và nợ thuê dài hạn	98.2	24.9	294%
Nguồn vốn chủ sở hữu	989	816	21.2%
Vốn chủ sở hữu	989	816	21.2%
Vốn điều lệ	777	777	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	168	146	144	124	178
Giá vốn hàng bán	155	135	132	114	163
Lợi nhuận gộp	13.2	11.0	12.4	9.29	14.5
Doanh thu HĐTC	1.33	0.75	0.60	0.44	0.73
Chi phí TC	1.78	2.38	1.93	1.99	2.04
Chi phí lãi vay	1.78	2.38	1.80	1.99	1.77
LN trong công ty LKLD	0.00	0	0	0	0.00
Chi phí bán hàng	2.51	2.53	4.27	3.46	4.43
Chi phí QLDN	1.72	1.92	2.25	1.54	1.99
LN thuần từ HĐKD	8.51	4.91	4.56	2.73	6.80
Lợi nhuận khác	-0.09	-0.06	-0.02	-0.01	-0.15
LN trước thuế	8.42	4.85	4.54	2.72	6.65
Lợi nhuận sau thuế	7.50	4.36	4.46	2.52	6.22
LNST của CĐ cty mẹ	7.49	4.36	4.46	2.52	6.37

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.4	2.41	-31.9	83.3	-75.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.2	34.9	0.38	-0.12	-101
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.4	-29.5	28.4	39.8	45.3
Tiền đầu kỳ	17.6	19.9	27.7	24.7	148
Lưu chuyển tiền thuần	2.29	7.81	-3.03	123	-131
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	19.9	27.7	24.7	148	16.7

(Nguồn: fireant.vn)